

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Lịch sử
Trình độ: Đại học

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế
Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoá: 2022

(ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHSP ngày 17/6/2022 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	9	4	1		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(1)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(1)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(1)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(1)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			139	97.5	35.5	6		
		Kiến thức Cơ sở ngành	48	42.5	5.5	0		
13	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	1	0		
14	31731111	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2.5	0.5	0		
15	31841123	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	3	1	0		
16	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	4	4	0	0	31841415	
17	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	4	0	0	31841414	
18	31841423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	4	0	0		
19	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	4	0	0	31841423	
20	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	4	0	0	31841422	
21	31831112	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	2	1	0		
22	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	2	1	0	31841426	
23	31831078	Cơ sở Khảo cổ học	3	2	1	0		
24	31831060	Chủ nghĩa tư bản cận – hiện đại	3	3	0	0		
25	31831028	Lý luận khoa học Lịch sử	3	3	0	0		
26	31831029	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	3	0	0		
		Kiến thức Chuyên ngành	73	55	18	0		
27	31841031	Lịch sử quan hệ quốc tế	4	4	0	0	31841422	
28	31831032	Địa chính trị	3	2	1	0		
29	31831034	Luật quốc tế	3	2	1	0		
30	31821129	Thực tế chuyên môn	2	0	2	0		
31	31831368	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	3	3	0	0	31841422	
32	31821035	Lịch sử địa phương	2	1	1	0		
33	31831113	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận- hiện đại	3	3	0	0	31841417	
34	31831036	Quan hệ Việt Nam và ASEAN	3	2	1	0		
35	31831897	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	3	3	0	0		
36	31831038	Nghị vụ công tác đối ngoại	3	2	1	0		
37	31831039	Đàm phán quốc tế	3	2	1	0		
38	31831040	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử	3	2	1	0		
39	31831057	Chính sách và hoạt động ngoại giao của Việt Nam thời hiện đại	3	2	1	0		
40	31831339	Khu vực hóa, toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu	3	3	0	0		
41	31831119	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1	0		A
42	31831120	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1	0	31831119	A
		Học phần Tự chọn	26	20	6	0		
43	31831041	Quan hệ giữa Việt Nam với các cường quốc trên thế giới	3	2	1	0		
44	31821042	Quan hệ quốc tế châu Á - Thái Bình Dương	2	2	0	0		
45	31821043	Quan hệ Việt Nam-EU	2	1	1	0		
46	31821107	Sự du nhập và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	2	1	1	0		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
47	31821044	Ngoại giao văn hóa	2	2	0	0		
48	31821045	Giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại	2	1	1	0		
49	31821046	Lịch sử các tôn giáo thế giới	2	2	0	0		
50	31831047	Lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	3	2	1	0		
51	31821091	Thế chế chính trị thế giới	2	2	0	0		
52	31821048	Quan hệ quốc tế Âu - Mỹ	2	2	0	0		
53	31821049	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại	2	1	1	0		
54	31821050	Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại	2	2	0	0		
		Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	0	12	6		
55	31821092	Kiến tập	2	0	0	2		
56	31841103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	4	31721098	
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	0	12	0		
57	31861104	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
58	31831051	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Lịch sử quan hệ quốc tế)	3	0	3	0		
59	31831052	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Lịch sử đối ngoại Việt Nam)	3	0	3	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			154	106.5	39.0	7.0		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			116	86.5	21.0	7.0		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			14					

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu*.
- A: Học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh

PH. TRƯỞNG KHOA


Truong Trung Khiep

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Lịch sử

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Khoá: 2022

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số ~~767~~ 767/QĐ-ĐHSP ngày ~~17~~ 6/2022 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	31831028	Lý luận khoa học Lịch sử	3	3	0	0		
	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	3	1	0		
	31841423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	4	0	0		
	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2.5	0.5	0		
	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	1	0		
	31831029	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	3	0	0		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(1)		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	17.5	2.5	0		
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		
	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	4	4	0	0	31841415	
	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	4	0	0	31841423	
	31831078	Cơ sở Khảo cổ học	3	2	1	0		
	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	2	1	0		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(1)		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
	31821045	Giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại	2	1	1	0		
	31821049	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại	2	1	1	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	23	17	5	1			
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	4	0	0	31841422	
	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	4	0	0	31841414	
	31831040	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử	3	2	1	0		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(1)		
		Học phần Tự chọn						
	31821044	Ngoại giao văn hóa	2	2	0	0		
31831047	Lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	3	2	1	0			
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	17.5	2.5	0			
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0		
	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	0	2		
	31831038	Nghị vụ công tác đối ngoại	3	2	1	0		
	31841031	Lịch sử quan hệ quốc tế	4	4	0	0	31841422	
	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	2	1	0	31841426	
	31831864	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1	0		A
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(1)		
		Học phần Tự chọn				0		
	31821046	Lịch sử các tôn giáo thế giới	2	2	0	0		
	31821016	Sự du nhập và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	2	1	1	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	14.5	4.5	2			
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
	31831039	Đàm phán quốc tế	3	2	1	0		
	31831897	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	3	3	0	0		
	31831865	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1	0	31831864	A
	31831033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận- hiện đại	3	3	0	0	31841417	
	31831034	Luật quốc tế	3	2	1	0		
	Học phần Tự chọn				0			



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
	31821050	Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại	2	2	0	0		
	31821043	Quan hệ Việt Nam-EU	2	1	1	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	16.5	4.5	0		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0		
	31831060	Chủ nghĩa tư bản cận – hiện đại	3	3	0	0		
	31831057	Chính sách và hoạt động ngoại giao của Việt Nam thời hiện đại	3	2	1	0		
	31831036	Quan hệ Việt Nam và ASEAN	3	2	1	0		
	31821092	Kiến tập	2	0	0	2		
		Học phần Tự chọn						
	31821091	Thế chế chính trị thế giới	2	2	0	0		
	31821042	Quan hệ quốc tế châu Á - Thái Bình Dương	2	2	0	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	17	12.5	2.5	2		
7	31831368	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	3	3	0	0	31841422	
	31821035	Lịch sử địa phương	2	1	1	0		
	31831032	Địa chính trị	3	2	1	0		
	31831339	Khu vực hóa, toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu	3	3	0	0		
		Học phần Tự chọn				0		
	31821048	Quan hệ quốc tế Âu - Mỹ	2	2	0	0		
	31831041	Quan hệ giữa Việt Nam với các cường quốc trên thế giới	3	2	1	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	13	3	0		
8	31841103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	4	31721098	
		Học phần Tự chọn bắt buộc (chỉ chọn 1 trong 2)						
	31861104	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
	31831051	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Lịch sử quan hệ quốc tế)	3	0	3	0		
	31831052	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Lịch sử đối ngoại Việt Nam)	3	0	3	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	0	12	4		

Lưu ý:

- Phân tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.
- A: Học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh

P. TRƯỞNG KHOA


Trịnh Trung Dũng

HIỆU TRƯỞNG




PGS. TS. Lưu Trang